

Bản án số: 493 /2021/HNGĐ- ST  
Ngày 30-12-2021  
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vương Đăng Khoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Phương Hạnh

Ông Nguyễn Văn Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 404/2021/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXX-ST ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 4, tổ 4, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. ( có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Kiều Nam P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 4, tổ 4, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. ( có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:** Tôi và anh Kiều Nam P kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn X ngày 27/7/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tôi và anh P đã ly thân từ tháng 05/2021 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh P.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Kiều Nam T, sinh ngày 25/7/2014. Ly hôn tôi đồng ý để anh P nuôi con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**Bị đơn – anh Kiều Nam P trình bày:** Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương A là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn X ngày 27/7/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị A xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Kiều Nam T, sinh ngày 25/7/2014. Trường hợp phải ly hôn tôi xin được nuôi, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị A được ly hôn anh P. Con chung: giao 01 con chung cho anh P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị Phương A phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị Phương A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Kiều Nam P. Anh P có HKTT tại Số 4, tổ 4, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Kiều Nam P thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn X ngày 27/7/2013 là hợp pháp. Theo chị A quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân từ tháng 05/2021 đến nay. Anh P không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh P, anh P không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa chị A và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị A với anh P là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh P, có 01 con chung là cháu Kiều Nam T, sinh ngày 25/7/2014. Chị A và anh P đều thống nhất giao cháu T cho anh P nuôi dưỡng, do đó ghi nhận sự thỏa thuận này.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị A cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị A và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn anh Kiều Nam P.

2. Về con chung: Chị A và anh P có 01 con chung là cháu Kiều Nam T, sinh ngày 25/7/2014.

Anh Kiều Nam P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Kiều Nam T, sinh ngày 25/7/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Phương A cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Kiều Nam P là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có Quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con; được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075448 ngày 03/11/2021. Chị A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Phương A, anh Kiều Nam P có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

